

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chính sách thuế, đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 44/2022/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy chế về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 3648/TTr-SNNMT ngày 11/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC trong lĩnh vực chính sách thuế, đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

1. Danh mục TTHC tại Phụ lục I.
2. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC tại Phụ lục II.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường
 - a) Đăng tải công khai đầy đủ Danh mục, nội dung cụ thể của từng TTHC trên Trang thông tin điện tử thành phần của Sở, niêm yết công khai tại cơ quan.
 - b) Tiếp nhận và giải quyết TTHC theo quy định pháp luật và nội dung công bố tại Quyết định này.
 - c) Gửi nội dung cụ thể của TTHC được công bố đến Sở Khoa học và Công nghệ để cập nhật lên phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và gửi Văn phòng UBND tỉnh để theo dõi, kiểm soát nội dung.
 - d) Thực hiện đăng nhập các TTHC được công bố tại Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan, căn cứ Quyết định này xây dựng, thiết lập quy trình điện tử giải quyết TTHC và đăng tải công khai dữ liệu nội dung cụ thể của từng TTHC được công bố lên phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh theo quy định.

3. UBND cấp huyện, UBND cấp xã thực hiện niêm yết công khai kịp thời, đầy đủ Danh mục và nội dung cụ thể của TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định; đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử của địa phương; thực hiện tiếp nhận, giải quyết TTHC theo quy định của pháp luật và nội dung công bố tại Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Thay thế Danh mục TTHC trong lĩnh vực thuế đã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1626/QĐ-UBND ngày 23/12/2024.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KTN;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TTHC(x).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Phước Hiền

PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC CHÍNH SÁCH THUẾ,
ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI
(Kèm theo Quyết định số 896 /QĐ-UBND ngày 13/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Chính sách Thuế				
1	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận tờ khai (không bao gồm thời gian lấy mẫu và phân tích nước thải)	Nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi, địa chỉ: Số 54 đường Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi thông qua các cách thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Trục tuyến tại địa chỉ: dichvucong.quangngai.gov.vn	Không	Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải
2	Thu tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận tờ khai trong trường hợp số phí thẩm định bằng số phí người nộp kê khai (không bao gồm thời gian lấy mẫu và phân tích khí thải)	40 ngày làm việc kể từ ngày nhận tờ khai trong trường hợp số phí thẩm định khác số phí người nộp kê khai (không bao gồm thời gian lấy mẫu và phân tích khí thải)	Không	Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024 của Chính phủ quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khí thải

II Lĩnh vực Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn					
1	Nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của doanh nghiệp.	Nộp hồ sơ và nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi, số 54 đường Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi thông qua các cách thức sau: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I Lĩnh vực Chính sách Thuế					
1	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận tờ khai (không bao gồm thời gian lấy mẫu và phân tích nước thải)	Nộp hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện thông qua các cách thức sau: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính - Trực tuyến tại địa chỉ: dichvucong.quangngai.gov.vn	Không	Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

2	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận tờ khai trong trường hợp số phí thẩm định bằng số phí người nộp kê khai (không bao gồm thời gian lấy mẫu và phân tích khí thải)	Nộp hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện thông qua các cách thức sau: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính - Trực tuyến tại địa chỉ: dichvucong.quangngai.gov.vn	Không	Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024 của Chính phủ quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khí thải
		40 ngày làm việc kể từ ngày nhận tờ khai trong trường hợp số phí thẩm định khác số phí người nộp kê khai (không bao gồm thời gian lấy mẫu và phân tích khí thải)			

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Chính sách Thuế				
1	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận tờ khai (không bao gồm thời gian lấy mẫu và phân tích nước thải)	Nộp hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa của UBND cấp xã thông qua các cách thức sau: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính - Trực tuyến tại địa chỉ: dichvucong.quangngai.gov.vn	Không	Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

PHỤ LỤC II

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC CHÍNH SÁCH THUẾ, ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Quyết định số ~~896~~ /QĐ-UBND ngày 13 /6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)



Lưu ý quy cách thực hiện và quy ước viết tắt trong quy trình

- Khi chuyển hồ sơ giấy: Chuyển đầy đủ Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01 - Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của UBND tỉnh); Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 04 - Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của UBND tỉnh) và kèm theo hồ sơ của tổ chức, cá nhân (trong quy trình viết gọn là “Hồ sơ”).
- Khi phân công xử lý hồ sơ, chuyển tiếp hồ sơ từ bộ phận này sang bộ phận khác xử lý: Phải ký, ghi rõ tên người phân công/người chuyển tiếp, người nhận trên Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu 04). Đồng thời, phải xử lý phân công/chuyển tiếp trên phần mềm điện tử, trùng khớp với Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu 04).
- Xử lý việc dừng giải quyết hồ sơ:
 - + Trường hợp hồ sơ còn thiếu thông tin, chưa đầy đủ, chưa hợp lệ: Trong thời hạn quy định, kể từ ngày nhận được hồ sơ cơ quan có thẩm quyền phải ban hành Thông báo bổ sung, hoàn thiện lại hồ sơ theo đúng mẫu (Mẫu số 07 - Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của UBND tỉnh); trừ trường hợp phát sinh bổ sung hồ sơ theo quy định pháp luật diễn ra sau Bước 7.
 - + Trường hợp không đủ cơ sở để giải quyết theo quy định: Ban hành Thông báo trả hồ sơ (Mẫu số 08 - Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của UBND tỉnh).
 - + Việc ký ban hành thông báo Mẫu số 07, Mẫu số 08: Lãnh đạo cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đang trực tiếp xử lý, thẩm định tại các bước của quy trình giải quyết thủ tục hành chính hoặc ủy quyền cho cơ quan, đơn vị cấp dưới có thẩm quyền trực tiếp ký ban hành thông báo.
- Quy ước viết tắt trong quy trình giải quyết
 - + Sở Nông nghiệp và Môi trường, viết tắt là: “Sở NNMT”.
 - + Công chức, viên chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh, viết tắt là: “Công chức, viên chức tại Trung tâm”.

- + Chi cục Bảo vệ môi trường, viết tắt là: “CCBVMT”.
- + Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi, viết tắt là: “Trung tâm”.
- + Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của UBND cấp huyện viết tắt là: “Bộ phận Một cửa cấp huyện”.
- + Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của UBND cấp xã viết tắt là: “Bộ phận Một cửa cấp xã”.
- + Phí Bảo vệ môi trường, viết tắt là: “Phí BVMT”.
- + Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, viết tắt là: “Mẫu số 01”.
- + Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ, viết tắt là: “Mẫu số 04”.
- + Thông báo bổ sung, hoàn thiện lại hồ sơ, viết tắt là: “Mẫu số 07”.
- + Thông báo trả hồ sơ, viết tắt là: “Mẫu số 08”.
- + Các bước trong quy trình, viết tắt là: “Bước 1, Bước 2, Bước 3,...”.

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NGÃI

1. Kế khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

Thời gian giải quyết: **10 ngày làm việc** kể từ ngày nhận tờ khai (không bao gồm thời gian lấy mẫu và phân tích nước thải).

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Người thực hiện	Thời gian giải quyết	Kết quả thực hiện
B1. Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ	- Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ - Nhập dữ liệu thông tin hồ sơ vào phần mềm - Thực hiện số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử	- Tổ chức, cá nhân. - Công chức, viên chức tại Trung tâm	Trong giờ hành chính	- Mẫu số 01 - Mẫu số 04 - Hồ sơ
Bước 2. Chuyển hồ sơ	Chuyển hồ sơ về Chi cục Bảo vệ môi trường xử lý	Công chức, viên chức tại Trung tâm	0,5 ngày làm việc	- Hồ sơ
Bước 3. Phân công xử lý	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường phân công phòng chuyên môn xử lý	Lãnh đạo CCBVMT	0,5 ngày làm việc	- Hồ sơ
	Lãnh đạo phòng chuyên môn phân công chuyên viên xử lý hoặc trực tiếp xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	0,5 ngày làm việc	
Bước 4. Kiểm tra xử lý hồ sơ	Kiểm tra tham mưu xử lý hồ sơ theo quy định: + Kiểm tra, đối chiếu hồ sơ, số liệu, tình trạng phí cơ sở đã nộp về tài khoản tạm thu của CCBVMT. + Trình Lãnh đạo phòng Kết quả thẩm định Tờ khai phí BVMT đối với nước thải. + Tham mưu Lãnh đạo phòng Thông báo nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.	Chuyên viên xử lý	05 ngày làm việc	- Hồ sơ - Dự thảo Kết quả thẩm định Tờ khai phí BVMT đối với nước thải - Dự thảo Thông báo nộp phí BVMT đối với nước thải

B5. Xem xét hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét duyệt hồ sơ trình lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo phòng chuyên môn	01 ngày làm việc	- Hồ sơ - Dự thảo Kết quả thẩm định Tờ khai phí BVMT đối với nước thải - Dự thảo Thông báo nộp phí BVMT đối với nước thải
Bước 6. Duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục xem xét, duyệt hồ sơ trình lãnh đạo Sở quyết định	Lãnh đạo CCBVMT	0,5 ngày làm việc	- Hồ sơ - Kết quả thẩm định Tờ khai phí BVMT đối với nước thải - Dự thảo Thông báo nộp phí BVMT đối với nước thải
Bước 7. Phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở NNMT xem xét, quyết định	Lãnh đạo Sở NNMT	01 ngày làm việc	- Hồ sơ - Thông báo nộp phí BVMT đối với nước thải.
B8. Phát hành kết quả giải quyết	- Văn thư vào sổ văn bản, lưu trữ, chuyển hồ sơ, kết quả cho chuyên viên xử lý hồ sơ; - Chuyên viên xử lý hồ sơ chuyển kết quả đến quầy tiếp nhận hồ sơ của Sở NNMT tại Trung tâm	- Văn thư Sở - Chuyên viên xử lý	01 ngày làm việc	Thông báo nộp phí BVMT đối với nước thải

Bước 9. Trả kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân - Xác nhận việc trả kết quả trên mẫu số 04 - Mời tổ chức, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng - Kết thúc hồ sơ trên phần mềm điện tử	- Tổ chức, cá nhân. - Công chức, viên chức tại Trung tâm	Trong giờ hành chính	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân
----------------------------	---	---	----------------------	------------------------------------

2. Khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải

- Thời gian giải quyết:

+ Trường hợp số phí thẩm định bằng số phí người nộp kê khai: **30 ngày làm việc** kể từ ngày nhận tờ khai.

+ Trường hợp số phí thẩm định khác số phí người nộp kê khai: **40 ngày làm việc** kể từ ngày nhận tờ khai.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Thời gian giải quyết	Kết quả thực hiện
B1. Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ	- Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ - Nhập dữ liệu thông tin hồ sơ vào phần mềm - Thực hiện số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử	- Tổ chức, cá nhân. - Công chức, viên chức tại Trung tâm	Trong giờ hành chính	- Mẫu số 01 - Mẫu số 04 - Hồ sơ
Bước 2. Chuyển hồ sơ	Chuyển hồ sơ về Chi cục Bảo vệ môi trường xử lý	Công chức, viên chức tại Trung tâm	0,5 ngày làm việc	- Hồ sơ
Bước 3. Phân công xử lý	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường phân công phòng chuyên môn xử lý	Lãnh đạo CCBVMT	0,5 ngày làm việc	- Hồ sơ
	Lãnh đạo phòng chuyên môn phân công chuyên viên xử lý hoặc trực tiếp xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	0,5 ngày làm việc	

Bước 4: Kiểm tra, thẩm định hồ sơ	- Kiểm tra, tham mưu xử lý hồ sơ theo quy định - Kiểm tra, đối chiếu hồ sơ, số liệu, tình trạng phí cơ sở đã nộp về tài khoản tạm thu của CCBVMT. - Trường hợp số phí thẩm định bằng số phí người nộp kê khai: + Trình Lãnh đạo phòng Kết quả thẩm định Tờ khai phí BVMT đối với khí thải. + Tham mưu Lãnh đạo phòng Thông báo nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải.	Chuyên viên xử lý	19 ngày làm việc	Kết quả: - Mẫu số 04 - Bộ hồ sơ; - Dự thảo Kết quả thẩm định Tờ khai phí BVMT đối với khí thải - Dự thảo Thông báo nộp phí BVMT đối với khí thải (Mẫu số 02 Phụ lục Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024 của Chính phủ).
	- Trường hợp số phí thẩm định khác số phí người nộp kê khai: + Trình Lãnh đạo phòng Kết quả thẩm định Tờ khai phí BVMT đối với khí thải. + Tham mưu Lãnh đạo phòng Thông báo nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải.		29 ngày làm việc	
Bước 5: Xem xét hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét duyệt hồ sơ trình lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo phòng chuyên môn	05 ngày làm việc	- Hồ sơ - Kết quả thẩm định Tờ khai phí BVMT đối với khí thải - Dự thảo Thông báo nộp phí BVMT đối với khí thải (Mẫu số 02 Phụ lục Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024 của Chính phủ).

Bước 6. Duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục xem xét, duyệt hồ sơ trình lãnh đạo Sở quyết định	Lãnh đạo CCBVMT	1,5 ngày làm việc	- Hồ sơ - Thông báo nộp phí BVMT đối với khí thải.
Bước 7. Phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở NNMT xem xét, quyết định	Lãnh đạo Sở NNMT	02 ngày làm việc	Thông báo nộp phí BVMT đối với khí thải
B8. Phát hành kết quả giải quyết	- Văn thư vào sổ văn bản, lưu trữ, chuyển hồ sơ, kết quả cho chuyên viên xử lý hồ sơ; - Chuyên viên xử lý hồ sơ chuyển kết quả đến quầy tiếp nhận hồ sơ của Sở NNMT tại Trung tâm	- Văn thư Sở - Chuyên viên xử lý	01 ngày làm việc	Thông báo nộp phí BVMT đối với khí thải
Bước 9. Trả kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân - Xác nhận việc trả kết quả trên mẫu số 04 - Mời tổ chức, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng - Kết thúc hồ sơ trên phần mềm điện tử	- Tổ chức, cá nhân. - Công chức, viên chức tại Trung tâm	Trong giờ hành chính	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân

3. Nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.

Thời gian thực hiện: Trong thời hạn **05 ngày** kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của doanh nghiệp.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B1: Nộp hồ sơ	- Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ; - Nhập dữ liệu thông tin hồ sơ vào phần mềm. - Thực hiện số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử.	- Tổ chức, cá nhân. - Công chức, viên chức tại Trung tâm	Trong giờ hành chính	- Mẫu số 01. - Mẫu số 04. - Hồ sơ.
B2: Chuyển hồ sơ	Chuyển hồ sơ (giấy điện tử) từ Trung tâm về Sở NNMT xử lý.	Công chức, viên chức tại Trung tâm	02 giờ	- Hồ sơ .

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B3: Phân công xử lý	Lãnh đạo Sở NNMT phân công phòng chuyên môn xử lý	Lãnh đạo Sở NNMT	0,5 ngày	Hồ sơ
	Lãnh đạo Phòng chuyên môn phân công chuyên viên xử lý.	Lãnh đạo chuyên môn	02 giờ	
B4: Xử lý hồ sơ	- Chuyên viên được phân công thẩm định, kiểm tra hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Gửi giấy mời tới các Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tiến hành nghiệm thu hoàn thành hạng mục hoặc toàn bộ dự án	Chuyên viên xử lý	2,5 ngày	Hồ sơ
B5: Thẩm định hồ sơ	Kiểm tra kết quả nghiệm thu	Hội đồng nghiệm thu, Lãnh đạo phòng chuyên môn	0,5 ngày	- Hồ sơ. - Biên bản nghiệm thu theo mẫu số 05 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP hoặc thông báo từ chối nếu nghiệm thu không đạt yêu cầu

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B6: Duyệt kết quả nghiệm thu	Duyệt kết quả nghiệm thu	Lãnh đạo Sở NNMT	0,5 ngày	- Hồ sơ. - Biên bản nghiệm thu theo mẫu số 05 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP hoặc thông báo từ chối nếu nghiệm thu không đạt yêu cầu.
B7: Phát hành và chuyển kết quả	- Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ. - Chuyển kết quả đến quầy tiếp nhận hồ sơ của Sở NNMT tại Trung tâm	Văn thư	0,5 ngày	- Mẫu số 01. - Mẫu số 04 - Hồ sơ. - Các văn bản có liên quan.
B8: Trả kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân - Xác nhận việc trả kết quả trên mẫu số 04 - Mời tổ chức, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng - Kết thúc hồ sơ trên phần mềm điện tử	- Tổ chức, cá nhân. - Công chức, viên chức tại Trung tâm	Trong giờ hành chính	- Thu lại mẫu số 01 - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

1. Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

Thời gian giải quyết: **10 ngày làm việc** kể từ ngày nhận tờ khai.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Người thực hiện	Thời gian giải quyết	Kết quả thực hiện
Bước 1: Hướng dẫn, tiếp nhận và chuyển hồ sơ	- Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ - Nhập dữ liệu thông tin hồ sơ vào phần mềm - Thực hiện số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử	- Tổ chức, cá nhân - Công chức Bộ phận Một cửa cấp huyện	Trong giờ hành chính	- Mẫu số 01 - Mẫu số 04 - Hồ sơ
Bước 2. Chuyển hồ sơ	Chuyển hồ sơ về phòng chuyên môn cấp huyện để xử lý	Công chức Bộ phận Một cửa cấp huyện	0,5 ngày làm việc	- Hồ sơ
B3: Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn cấp huyện phân công công chức xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	0,5 ngày làm việc	- Hồ sơ

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Người thực hiện	Thời gian giải quyết	Kết quả thực hiện
Bước 4: Kiểm tra, thẩm định hồ sơ	- Kiểm tra, xử lý, thẩm định hồ sơ theo quy định. + Thực hiện kiểm tra, đối chiếu hồ sơ, số liệu, tình trạng phí cơ sở đã nộp về tài khoản tạm thu của Phòng chuyên môn cấp huyện đã mở tại Kho bạc nhà nước. + Trình Lãnh đạo Phòng chuyên môn kết quả thẩm định Tờ khai phí BVMT đối với nước thải. + Trình Lãnh đạo Phòng chuyên môn ban hành thông báo nộp phí BVMT đối với nước thải.	Chuyên viên xử lý	06 ngày làm việc	- Hồ sơ; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; - Dự thảo Kết quả thẩm định Tờ khai phí BVMT đối với nước thải; - Dự thảo Thông báo nộp phí BVMT đối với nước thải (Mẫu số 01, 02 Phụ lục Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ).
Bước 5: Phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét, ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn	02 ngày làm việc	Thông báo nộp phí BVMT đối với nước thải
Bước 6: Phát hành kết quả	- Văn thư vào sổ, đóng dấu, lưu trữ. - Chuyển kết quả giải quyết đến Bộ phận Một cửa cấp huyện	Văn thư	01 ngày làm việc	Thông báo nộp phí BVMT đối với nước thải

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Người thực hiện	Thời gian giải quyết	Kết quả thực hiện
Bước 7: Trả kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân - Xác nhận việc trả kết quả trên mẫu số 04 - Mời tổ chức, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng - Kết thúc hồ sơ trên phần mềm điện tử	- Tổ chức, cá nhân - Công chức Bộ phận Một cửa cấp huyện	Trong giờ hành chính	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân

2. Khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải.

- Thời gian giải quyết:

+ Trường hợp số phí thẩm định bằng số phí người nộp kê khai: **30 ngày làm việc** kể từ ngày nhận tờ khai.

+ Trường hợp số phí thẩm định khác số phí người nộp kê khai: **40 ngày làm việc** kể từ ngày nhận tờ khai.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Người thực hiện	Thời gian giải quyết	Kết quả thực hiện
Bước 1: Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ	- Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ - Nhập dữ liệu thông tin hồ sơ vào phần mềm - Thực hiện số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử	- Tổ chức, cá nhân - Công chức Bộ phận Một cửa cấp huyện	Trong giờ hành chính	- Mẫu số 01 - Mẫu số 04 - Hồ sơ
Bước 2. Chuyển hồ sơ	Chuyển hồ sơ về phòng chuyên môn cấp huyện để xử lý	Công chức Bộ phận Một cửa cấp huyện	0,5 ngày làm việc	- Hồ sơ
B3: Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn cấp huyện phân công công chức xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	0,5 ngày làm việc	- Hồ sơ

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Người thực hiện	Thời gian giải quyết	Kết quả thực hiện
Bước 4: Kiểm tra, thẩm định hồ sơ	- Kiểm tra xử lý hồ sơ theo quy định - Thực hiện kiểm tra, đối chiếu hồ sơ, số liệu, tình trạng phí cơ sở đã nộp về tài khoản tạm thu của Phòng chuyên môn cấp huyện đã mở tại Kho bạc nhà nước. - Trường hợp số phí thẩm định bằng số phí người nộp kê khai: + Trình Lãnh đạo Phòng chuyên môn kết quả thẩm định Tờ khai phí BVMT đối với khí thải. + Trình Lãnh đạo Phòng chuyên môn ban hành thông báo nộp phí BVMT đối với khí thải.	Chuyên viên xử lý	20 ngày làm việc	Kết quả: - Bộ hồ sơ; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; - Dự thảo Kết quả thẩm định Tờ khai phí BVMT đối với khí thải; - Dự thảo Thông báo nộp phí BVMT đối với khí thải (Mẫu số 02 Phụ lục Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024 của Chính phủ).
	- Trường hợp số phí thẩm định khác số phí người nộp kê khai: + Trình Lãnh đạo phòng Kết quả thẩm định Tờ khai phí BVMT đối với khí thải. + Tham mưu Lãnh đạo phòng Thông báo nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải.		30 ngày làm việc	
Bước 5: Phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét, ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 ngày làm việc	Thông báo nộp phí BVMT đối với khí thải.
Bước 6: Phát hành kết quả	- Văn thư vào sổ, đóng dấu, lưu trữ. - Chuyển kết quả giải quyết đến Bộ phận Một cửa cấp huyện	Văn thư	01 ngày làm việc	Thông báo nộp phí BVMT đối với khí thải.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Người thực hiện	Thời gian giải quyết	Kết quả thực hiện
Bước 7: Trả kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân - Xác nhận việc trả kết quả trên mẫu số 04 - Mời tổ chức, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng - Kết thúc hồ sơ trên phần mềm điện tử	- Tổ chức, cá nhân - Công chức Bộ phận Một cửa cấp huyện	Trong giờ hành chính	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

1. Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận tờ khai.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Người thực hiện	Thời gian giải quyết	Kết quả thực hiện
Bước 1: Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ	- Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ - Nhập dữ liệu thông tin hồ sơ vào phần mềm - Thực hiện số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử	- Tổ chức, cá nhân - Công chức Bộ phận Một cửa cấp xã	Trong giờ hành chính	- Mẫu số 01 - Mẫu số 04 - Hồ sơ
Bước 2: Chuyển hồ sơ	Chuyển hồ sơ đến lãnh đạo UBND cấp xã để phân công xử lý	Công chức Bộ phận Một cửa cấp xã	0,5 ngày làm việc	- Hồ sơ
B3: Phân công xử lý	Lãnh đạo UBND cấp xã phân công công chức xử lý	Lãnh đạo UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc	- Hồ sơ

Bước 4: Kiểm tra, thẩm định hồ sơ	- Kiểm tra, xử lý, thẩm định hồ sơ theo quy định + Thực hiện kiểm tra, đối chiếu hồ sơ, số liệu, tình trạng phí cơ sở đã nộp về tài khoản tạm thu của UBND đã mở tại Kho bạc nhà nước. + Trình Lãnh đạo UBND kết quả thẩm định Tờ khai phí BVMT đối với nước thải. + Trình Lãnh đạo UBND ban hành thông báo nộp phí BVMT đối với nước thải.	Công chức xử lý	06 ngày làm việc	- Hồ sơ; - Dự thảo Kết quả thẩm định Tờ khai phí BVMT đối với nước thải; - Dự thảo Thông báo nộp phí BVMT đối với nước thải (Mẫu số 01, 02 Phụ lục Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ).
Bước 5: Phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét, quyết định	Lãnh đạo UBND cấp xã	02 ngày làm việc	Thông báo nộp phí BVMT đối với nước thải
B6: Phát hành kết quả	Văn thư vào sổ, đóng dấu, lưu trữ - Chuyển kết quả đến Bộ phận Một cửa	Văn thư	01 ngày làm việc	Thông báo nộp phí BVMT đối với nước thải
Bước 7: Trả kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân - Xác nhận việc trả kết quả trên mẫu số 04 - Mời tổ chức, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng - Kết thúc hồ sơ trên phần mềm điện tử	- Tổ chức, cá nhân - Công chức Bộ phận Một cửa cấp xã	Trong giờ hành chính	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân